**1. Gọi món (UC1)**

**Mô tả:**

Nhân viên phục vụ hoặc khách hàng đặt món từ menu của quán.

**Actor:**

* Nhân viên phục vụ
* Khách hàng

**Tiền điều kiện:**

* Khách hàng đã có mặt tại quán hoặc đặt hàng online.
* Danh sách món trong menu có sẵn.

**Hậu điều kiện:**

* Đơn hàng được tạo thành công.

**Luồng chính:**

1. Nhân viên phục vụ/Khách hàng chọn món từ menu.
2. Hệ thống kiểm tra nguyên liệu trước khi xác nhận đơn hàng (Include: Kiểm tra nguyên liệu - UC7).
3. Nếu nguyên liệu đủ, hệ thống xác nhận đơn hàng.
4. Hệ thống lưu đơn hàng và thông báo tới bếp.

**Luồng phụ:**

* Nếu nguyên liệu không đủ, hệ thống thông báo hết hàng.
* Khách hàng có thể sửa đổi hoặc hủy món trước khi xác nhận.

**2. Tạo hóa đơn (UC2)**

**Mô tả:**

Nhân viên phục vụ tạo hóa đơn dựa trên đơn hàng đã xác nhận.

**Actor:**

* Nhân viên phục vụ

**Tiền điều kiện:**

* Đơn hàng đã được xác nhận.

**Hậu điều kiện:**

* Hóa đơn được tạo thành công.

**Luồng chính:**

1. Nhân viên truy cập danh sách đơn hàng.
2. Chọn đơn hàng cần tạo hóa đơn.
3. Hệ thống tính tổng tiền.
4. Hệ thống áp dụng giảm giá nếu có (Include: Áp dụng giảm giá - UC8).
5. Hệ thống xác nhận thanh toán (Include: Xác nhận thanh toán - UC9).

**Luồng phụ:**

* Nếu khách hàng cần in hóa đơn, hệ thống mở tính năng in (Extend: In hóa đơn - UC3).

**3. In hóa đơn (UC3)**

**Mô tả:**

Nhân viên thu ngân in hóa đơn cho khách hàng.

**Actor:**

* Nhân viên thu ngân

**Tiền điều kiện:**

* Hóa đơn đã được tạo.

**Hậu điều kiện:**

* Hóa đơn được in thành công.

**Luồng chính:**

1. Nhân viên thu ngân chọn hóa đơn cần in.
2. Hệ thống gửi lệnh in hóa đơn.
3. Nếu in thành công, hệ thống xác nhận hoàn tất.

**Luồng phụ:**

* Nếu máy in bị lỗi, hệ thống thông báo lỗi.

**Mối quan hệ:**

* Extend với "Tạo hóa đơn" (UC2) (chỉ in khi khách hàng yêu cầu).

**4. Quản lý nguyên liệu (UC4)**

**Mô tả:**

Quản lý cửa hàng kiểm soát kho nguyên liệu để đảm bảo đủ nguyên liệu pha chế.

**Actor:**

* Quản lý cửa hàng

**Tiền điều kiện:**

* Hệ thống có danh sách nguyên liệu.

**Hậu điều kiện:**

* Nguyên liệu được cập nhật thành công.

**Luồng chính:**

1. Quản lý truy cập danh sách nguyên liệu.
2. Thêm, sửa hoặc xóa nguyên liệu.
3. Hệ thống cập nhật số lượng tồn kho.

**Luồng phụ:**

* Nếu nguyên liệu sắp hết, hệ thống gửi cảnh báo.
* Hệ thống có thể tự động kiểm tra nguyên liệu khi cần (Extend: Kiểm tra nguyên liệu - UC7).

**5. Quản lý nhân viên (UC5)**

**Mô tả:**

Quản lý thông tin nhân viên làm việc tại quán.

**Actor:**

* Quản lý cửa hàng

**Tiền điều kiện:**

* Hệ thống có danh sách nhân viên.

**Hậu điều kiện:**

* Thông tin nhân viên được cập nhật thành công.

**Luồng chính:**

1. Quản lý truy cập danh sách nhân viên.
2. Thêm, sửa hoặc xóa nhân viên.
3. Hệ thống cập nhật thông tin nhân viên.

**Luồng phụ:**

* Nếu nhân viên nghỉ việc, hệ thống vô hiệu hóa tài khoản nhân viên đó.

**6. Xem thống kê doanh thu (UC6)**

**Mô tả:**

Quản lý cửa hàng xem báo cáo doanh thu theo ngày, tuần, tháng.

**Actor:**

* Quản lý cửa hàng

**Tiền điều kiện:**

* Hệ thống đã ghi nhận doanh thu từ các hóa đơn.

**Hậu điều kiện:**

* Báo cáo doanh thu được hiển thị.

**Luồng chính:**

1. Quản lý truy cập báo cáo doanh thu.
2. Chọn khoảng thời gian muốn xem thống kê.
3. Hệ thống hiển thị biểu đồ doanh thu.

**Luồng phụ:**

* Nếu không có dữ liệu, hệ thống hiển thị thông báo "Chưa có doanh thu".

**7. Kiểm tra nguyên liệu (UC7) (Use Case hỗ trợ)**

**Mô tả:**

Hệ thống kiểm tra số lượng nguyên liệu trong kho.

**Mối quan hệ:**

* **Include** với "Gọi món" (UC1) (bắt buộc kiểm tra trước khi đặt món).
* **Extend** với "Quản lý nguyên liệu" (UC4) (có thể kiểm tra khi cần).

**Diễn biến:**

1. Hệ thống kiểm tra số lượng nguyên liệu trong kho.
2. Nếu nguyên liệu không đủ, hệ thống gửi thông báo.
3. Nếu nguyên liệu đủ, cho phép tiếp tục thực hiện đơn hàng.

**8. Áp dụng giảm giá (UC8) (Use Case hỗ trợ)**

**Mô tả:**

Hệ thống kiểm tra và áp dụng mã giảm giá vào hóa đơn.

**Mối quan hệ:**

* **Include** với "Tạo hóa đơn" (UC2) (luôn áp dụng nếu có mã giảm giá).

**Diễn biến:**

1. Nhân viên nhập mã giảm giá vào hệ thống.
2. Hệ thống kiểm tra mã hợp lệ hay không.
3. Nếu hợp lệ, hệ thống tính toán số tiền giảm.

**9. Xác nhận thanh toán (UC9) (Use Case hỗ trợ)**

**Mô tả:**

Hệ thống xác nhận thanh toán của khách hàng.

**Mối quan hệ:**

* **Include** với "Tạo hóa đơn" (UC2) (bắt buộc khi thanh toán).

**Diễn biến:**

1. Hệ thống kiểm tra phương thức thanh toán (tiền mặt, thẻ, ví điện tử).
2. Nếu thanh toán thành công, hệ thống cập nhật trạng thái hóa đơn.
3. Nếu thanh toán thất bại, hệ thống thông báo lỗi.

